

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HS-ST
Ngày 26-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Ly;

Bà Từ Thị Nga;

Ông Thái Kiến Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn Hữu sinh năm 1982, tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Á, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Trần Thị N1 (là bị hại trong vụ án) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/7/2021 và tạm giam đến ngày 02/9/2022 huỷ bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương B do bị cáo H bị rối loạn loạn thần do sử dụng rượu. Đến ngày 27/12/2023, V bệnh của Trần Văn H1 đã ổn, không cần thiết bắt buộc chữa bệnh, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật. Ngày 12/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định đình chỉ biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Ngày 15/01/2024, bị cáo bị bắt tạm giam đến nay, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Trần Văn Á, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang là cha, mẹ của bị cáo, vắng mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn H1:* Ông Nguyễn Duy P, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị N1, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hồ Quốc H2 sinh năm 1980, vắng mặt;
2. Bà Phan Thị N2 sinh năm 1990, vắng mặt;
3. Ông Võ Văn L sinh năm 1984, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H1 và bà Trần Thị N1 là vợ chồng, cùng làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt Công ty S) thuộc ấp Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và sinh sống tại phòng số 8, ký túc xá của Công ty S.

Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 31/7/2021, tại phòng số 8, ký túc xá của Công ty S, H1 nghi ngờ bà N1 ngoại tình nên nảy sinh ý định giết chết bà N1. Thực hiện ý định trên, H1 đi đến khu vực bếp lấy 01 (một) dao dài 41cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm đi đến vị trí bà N1 đang nằm ngủ nắm tóc bà N1, chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu của bà N1 và nói “*Mày quen người khác phải không, tao chém mày chết rồi chết chung luôn*”. Bà N1 đưa hai tay lên đỡ và giật lấy dao nhưng không được. Bà N1 ngồi gục dưới nền nhà, H1 tiếp tục lấy 01 (một) kéo bằng kim loại màu trắng sáng, có tay cầm bọc nhựa màu đỏ, dài 22,5cm, lưỡi kéo dài 12cm đâm liên tiếp nhiều nhát về phía bà N1 theo hướng từ trên xuống, bà N1 dùng tay, chân chống đỡ, H1 tiếp tục lấy 01 cây sắt và 03 cây gỗ trong phòng đánh nhiều nhát vào người bà N1 và đập phá đồ vật trong phòng trọ. Bà N1 kêu cứu nên những người dân ở cùng dãy ký túc xá trình báo lực lượng Công an thị trấn L đến phá cửa phòng trọ bắt giữ H1. Riêng bà Trần Thị N1 được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B đến ngày 06/8/2021 thì xuất viện.

Tại Kết luận giám định pháp y số 420/2021/GĐPY ngày 26/10/2021 của Trung tâm P1 tệt tỉnh Bình Dương kết luận:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị hại Trần Thị N1 là 55%.

- Cơ chế hình thành vết thương: vết thương đầu vùng đỉnh, trán: chiều nằm ngang, hướng từ trên xuống, bờ sắc gọn; vết thương đầu vùng đỉnh phức tạp, nứt sọ đỉnh trái: chiều nằm ngang, hướng từ trên xuống, bờ tương đối gọn; 03 vết

thương vùng cằm - cổ, nứt sọ cằm phải: chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn.

Tay phải: vết thương 1/3 trên mặt ngoài cánh tay: chiều nằm ngang, hướng từ phải sang trái, bờ sắc gọn; vết thương mặt sau 1/3 dưới cánh tay, đứt gân cơ tam đầu: chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn; 04 vết thương cẳng tay, gãy 1/3 dưới 2 xương cẳng tay: sọ mặt ngoài 1/3 trên: chiều từ trên xuống hơi chéch từ sau ra trước, bờ sắc gọn; sọ 1/3 giữa trong ngoài: chiều nằm ngang, hướng từ phải sang trái; sọ mặt sau 1/3 trên: chiều nằm ngang, hơi chéch xuống dưới 30^0 hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn; sọ mặt sau gần khớp khuỷu: chiều từ trên xuống, bờ sắc gọn; 02 vết thương mu bàn tay 4cm x 0,5cm chiều dọc xuống, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn và vết 1,2cm x 0,1cm: chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn; 04 vết thương mặt lưng ngón I: chiều từ trên xuống, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn; 02 vết thương ngón II: đứt gân duỗi ngón II, gãy hở đốt gần ngón II: chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn. Vết thương cạnh bên đốt giữa ngón V, sọ lạnh.

Tay trái: gãy kín 1/3 dưới xương trụ: gãy xương kín không có vết thương ngoài da vùng cẳng tay, khả năng do vật tày gây ra. Vết thương mặt lưng đốt xa ngón II, vết thương ngón III, đứt gần lia đốt giữa ngón III, cụt đốt xa ngón I, vết thương mặt lưng đốt 1 ngón V, gãy kín đốt gần ngón V. Các vết thương sọ nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn.

Chân trái: vết thương mặt trước 1/3 dưới cẳng chân: chiều nằm ngang, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn. Vết thương cạnh bên ngón II bàn chân: chiều dọc theo ngón, hướng từ trái sang phải, bờ sắc gọn. Các vết thương trên khả năng do vật sắc gây ra.

Vật chứng thu giữ: qua khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) dao dài 41cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, bầu, không nhọn, bản rộng 07cm, cán bằng gỗ dài 12cm, đường kính 03cm; 01 (một) kéo bằng kim loại dài 22,5cm, màu trắng sáng, tay cầm bọc nhựa màu đỏ, lưỡi kéo dài 12cm; 01 (một) thanh sắt màu sáng dài 2,97m, bản vuông 3cm x 3cm, bị cong, gần giữa thân có chữ “NHÀ MÁY THÉP ÁNH HÒA - THÉP MẠ KẼM”; 01 (một) thanh gỗ dài 01m, bản vuông 3cm x 3cm; 01 (một) thanh gỗ dài 1,05m, bản vuông 3cm x 3,5cm, một đầu gãy; 01 (một) thanh gỗ dài 50cm hình chữ nhật kích thước 3,5cm x 2cm, đây là các công cụ bị cáo Trần Văn H1 sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: bà Trần Thị N1 không yêu cầu bị cáo Trần Văn H1 bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKSBD.P2 ngày 13 tháng 5 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Văn H1 về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, qua phân tranh luận Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng, đánh giá tính

chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 13; Điều 15; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn H1 mức hình phạt từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) năm tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất việc truy tố và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, tại thời điểm gây án, bị cáo bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, bị hại bà Trần Thị N1 trình bày: không yêu cầu bị cáo H1 bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và thống nhất quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo, Hội đồng xét xử công bố lời khai người vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt người này.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 31/7/2021, tại phòng số 8, thuộc ký túc xá của Công ty S tại ấp Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, do nghi ngờ vợ là bà Trần Thị N1 ngoại tình nên bị cáo Trần Văn H1 đã có hành vi dùng dao, kéo, cây sắt, cây gỗ để đánh, đâm, chém vào vùng đầu, tay, chân của bà Trần Thị N1 gây tổn thương cơ thể với tỷ lệ 55% (theo Kết luận giám định pháp y số 420/2021/GDPY ngày 26/10/2021 của Trung tâm P1 - Sở Y tế tỉnh B), việc bà N1 không chết là do được người dân đưa đi cấp cứu kịp thời. Hành vi của bị cáo Trần Văn H1 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Giết người” chưa đạt, quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi dùng dao, kéo, cây sắt, cây gỗ là hung khí nguy hiểm để đánh, đâm, chém vào vùng đầu, tay, chân của bà Trần Thị N1 gây thương tật tỷ lệ 55% là hành vi trái pháp luật và có khả năng tước đoạt mạng sống của bị hại nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện bản tính côn đồ, ý thức xem thường pháp luật, bị hại không chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại thời điểm gây án, bị cáo bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo là công nhân có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nặng, vì: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo là công nhân nghèo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội bị mất khả năng nhận thức

và điều khiển hành vi. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt giảm hơn so với mức đề nghị của Viện kiểm sát đề nghị thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối bị cáo.

[7] Quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xử lý vật chứng:

- 01 (một) dao dài 41cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, bầu, không nhọn, bản rộng 07cm, cán bằng gỗ dài 12cm, đường kính 03cm; 01 (một) kéo bằng kim loại dài 22,5cm, màu trắng sáng, tay cầm bọc nhựa màu đỏ, lưỡi kéo dài 12cm; 01 (một) thanh sắt màu sáng dài 2,97m, bản vuông 3cm x 3cm, bị cong, gần giữa thân có chữ “NHÀ MÁY THÉP ÁNH HÒA - THÉP MẠ KẼM”; 01 (một) thanh gỗ dài 01m, bản vuông 3cm x 3cm; 01 (một) thanh gỗ dài 1,05m, bản vuông 3cm x 3,5cm, một đầu gãy; 01 (một) thanh gỗ dài 50cm hình chữ nhật kích thước 3,5cm x 2cm, đây là các công cụ bị cáo Trần Văn H1 sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H1 phạm tội “Giết người” (chưa đạt).

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/01/2024, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2021 và đến ngày 02/9/2022.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) dao dài 41cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, bầu, không nhọn, bản rộng 07cm, cán bằng gỗ dài 12cm, đường kính 03cm;

- 01 (một) kéo bằng kim loại dài 22,5cm, màu trắng sáng, tay cầm bọc nhựa màu đỏ, lưỡi kéo dài 12cm;

- 01 (một) thanh sắt màu sáng dài 2,97m, bản vuông 3cm x 3cm, bị cong, gần giữa thân có chữ “NHÀ MÁY THÉP ÁNH HÒA - THÉP MẠ KẼM”;

- 01 (một) thanh gỗ dài 01m, bản vuông 3cm x 3cm;

- 01 (một) thanh gỗ dài 1,05m, bản vuông 3cm x 3,5cm, một đầu gãy;

- 01 (một) thanh gỗ dài 50cm hình chữ nhật kích thước 3,5cm x 2cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương ngày 15 tháng 5 năm 2024).

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn H1 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (7);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Phòng KTNV và Thi hành án (3);
- Lưu: Văn phòng (4), hồ sơ vụ án. HTHT. 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức